

Name: .....

Vocabulary + Grammar: .....

Class: S2...



Listening: .....

Tel: 034 200 9294

Mini Test: .....

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày...../.....

## GLOBAL ENGLISH 2

### Unit 1 - Vocabulary Revision & Movers speaking

#### A. Extra vocabulary

| No. | Words                  | Meanings           | No. | Words                    | Meanings           |
|-----|------------------------|--------------------|-----|--------------------------|--------------------|
| 1   | <b>town centre</b> (n) | trung tâm thị trấn | 5   | <b>sports centre</b> (n) | trung tâm thể thao |
| 2   | <b>Maths</b> (n)       | môn Toán           | 6   | <b>ice skating</b> (n)   | môn trượt băng     |
| 3   | <b>station</b> (n)     | ga (tàu)           | 7   | <b>Physics</b> (n)       | môn Vật Lý         |
| 4   | <b>flat</b> (n)        | chung cư           | 8   | <b>water</b> (v)         | tươi (nước)        |

\*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ.

\*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐỒNG** vào vở ghi.

#### B. Homework

##### I. Match the word with the picture (Nối chữ với tranh)

0. jumper

1. tablet

2. lunchbox

3. calendar

4. notebook

5. paint

|      |    |    |    |    |    |
|------|----|----|----|----|----|
| 0. A | 1. | 2. | 3. | 4. | 5. |
|------|----|----|----|----|----|

##### II. Write the correct month in the correct order (Viết tháng chính xác theo như trình tự)

0. January

February

March

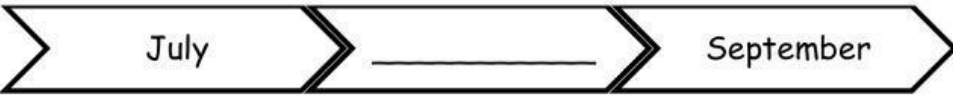
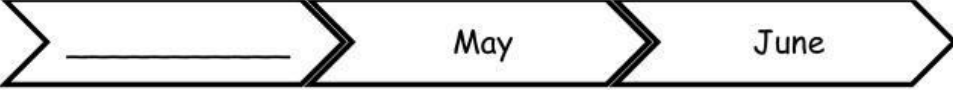
1. October

December

2.

June

July

3.  July \_\_\_\_\_ September
4.  \_\_\_\_\_ May June

**III. Write the correct word next to the picture** (Viết từ chính xác cạnh bức tranh)

|        |       |        |        |               |            |
|--------|-------|--------|--------|---------------|------------|
| pencil | clock | crayon | marker | skipping rope | sunglasses |
|--------|-------|--------|--------|---------------|------------|

|                                                                                                    |                                                                                            |                                                                                              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
|  0. <u>pencil</u> |  1. _____ |  2. _____ |
|  3. _____         |  4. _____ |  5. _____ |

**IV. Choose the suitable word to fill in the blank** (Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống)

|     |     |                |     |      |          |
|-----|-----|----------------|-----|------|----------|
| did | and | <del>was</del> | can | most | studying |
|-----|-----|----------------|-----|------|----------|

0. I was at the park yesterday.
1. I don't like \_\_\_\_\_ Maths and Physics.
2. Alice \_\_\_\_\_ climb the banana tree.
3. She can sing \_\_\_\_\_ she can dance.
4. \_\_\_\_\_ of the balloons are green.
5. What \_\_\_\_\_ you do yesterday?

Các con nghe bài ở link này:

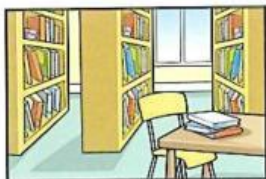
<https://drive.google.com/file/d/1N4I195NZnF9SrAFtI75m6PJ7aaWJFLt5/view?usp=sharing>

## Part 3

– 5 questions –

What does Jim's grandpa enjoy doing in these places?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



library

E



park



station



sports centre



cinema



shopping centre

